# Kết quả OCR từ PDF

— Mu

VỊ LC HỢP ĐÔNG CHO THUÊ TÀI CHÍNH

Số: 2022-00292-000

HO THUE TÀI CHÍH!

Ngày: ?2 jH41 [2022  
Chúng tôi bao gồm các bên dưới đây:  
Bên Cho Thuê: ˆ CÔNG TY TNHH CHO THUÊ TÀI CHÍNH QUOC TE VIỆT NAM  
Phòng 902, Centec Tower, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, P. Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. HCM, Việt Nam.  
Giấy phép thành lập số | 17/NHNN-GP cấp ngày 24/04/2008, cấp bởi Thống đốc Ngân hang Nha nước  
Việt Nam; và các sửa d6i/b6 sung liên quan.  
Bên Thuê: CÔNG TY CÔ PHAN VAN TAI VÀ THUONG MẠI DUONG SAT  
Số 118 đường Lê Duan, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0101206286, ngày 25/01/2002  
, cấp bởi Sở Kế Hoạch và Dau Tư Thành phố Hà Nội

Bên Bảo Lãnh: Khong áp dụng

Cùng đồng ý ý ký kết Hợp đồng Cho Thuê gồm các điều khoản và điều kiện chỉ tiết sau đây, Hợp Đồng này có hiệu lực kế từ  
ngày ký và được lập thành hai hoặc ba (trong trường hợp có Bên Bảo Lãnh) bản chính bởi các đại diện theo pháp luật hoặc người  
được ủy quyên hợp pháp của Bên Cho Thuê, Bên Thuê và Bên Bảo Lãnh (nếu có), mỗi bên giữ một bản chính.

Bên Thuê '

Bên Cho Thuê  
MO TRIED

ee Ô

CHO SOO CHEOL

Tổng Giám Đôc Bin BioLinh C2; Whe Hang

Khong 4p dung

Tén:  
Chức vu:

3023-00293-000

PHAN A. DIEU KIỆN THUÊ  
Điều 1. Thiết bị (Phan B - Điều 1): Như danh sách thiết bị đính kèm  
Điều 2. Loại tiền thuê: VND  
Điều 3. Giá Mua (dự kiến) (Phan B - Điều 6, 21): VND 18,900,000,000  
Điều 4. Thời hạn thuê (Phần B - Điều 2): 60 tháng  
Điều 5. Lãi suất thuê: 9.43 % /năm Trongđó: Lãi suấtcơ bản: 7.83 %/năm  
Lãi suất chỉ định: 1.6 %năm  
Lãi suất thuê là tổng gộp của Lãi suất cơ bản và Lãi suất chỉ định. Lãi suất cơ bản cho đồng Việt Nam là lãi suất có thé điều  
chỉnh được trong suốt thời gian thuê và là lãi suất trung bình của lãi suất tiền gửi kỳ han 12 tháng, trả lãi cuối ky, áp dụng  
cho khách hàng cá nhân của ba ngân hàng bao gom Ngân Hang Cô Phân Ngoại Thương Việt Nam — Sở Giao Dịch, Ngân

hàng Thương mại cô phần Á Châu — Sở Giao Dịch và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín — Sở Giao  
Dịch.

Lãi suất này có hiệu lực vào ngày bắt đầu của mỗi kỳ thanh toán Tiền Thuê. Nếu Ngày bắt đầu của kỳ thanh toán Tiền Thuê  
là ngày nghỉ lễ thì Lãi suất cơ bản được áp dụng là lãi suất của ngày ngay trước ngày nghỉ lễ.

Vào ngày bắt đầu của bat kỳ thanh toán Tiền Thuê nào,

-Néu lãi suất tiền gửi 12 tháng không được công bó, lãi suất lựa chọn thay thé sẽ là lãi suất của kỳ hạn gửi gần nhất với kỳ  
hạn 12 tháng. Nếu cả kỳ hạn gần nhất trên và dưới 12 tháng được công bó, kỳ hạn gần nhất trên 12 tháng sẽ được áp dụng.

-Néu có nhiều hơn một mức lãi suất tiền gửi cùng kỳ hạn được công bố bất kể hình thức gửi, mức lãi suất cao nhất sẽ được  
áp dụng.

Lãi suất chỉ định là cố định và không thay đổi trong suốt kỳ hạn thuê trừ khi có thỏa thuận khác bằng văn bản giữa các Bên.  
Điều 6. Lãi suất tạm thời (trong thời gian chưa bắt đầu thanh toán tiền thuê): 9.43 %/năm.  
Trongđó: Lãi suat co bản: 7.83 %/năm  
Lãi suất chỉ định: 1.6 %/năm

Lãi suất tạm thời là tông gộp của Lãi suất cơ bản và Lãi suất chỉ định. Lãi suất cơ bản là lãi suất được được xác định tại  
Điều 5 Phần này. Lãi suất chỉ định tạm thời do Bên Cho Thuê ấn định căn cứ vào thời gian chờ bắt đầu thanh toán tiền thuê  
và trạng thái nguồn vốn của Bên Cho Thuê.

Tiền lãi tạm thời mà Bên Thuê phải thanh toán cho Bên Cho Thuê là tổng tiền lãi tạm thời phát. sinh từ các lần Bên Cho  
Thuê thanh toán chi phí mua Thiết Bị, được tính bằng ©) phần chi phí mua Thiết Bị vượt quá Tiền thuê trả trước của Bên  
Thuê nhân với (x) Lãi suất tạm thời (%/nim) nhân với (x) số ngày trôi qua từ ngày của lần thanh toán chỉ phí mua Thiết Bị  
đó đến Ngày Bắt Đầu của Hợp Đồng này chia (:) cho 365 ngày.

Điều 7. Phương thức trả tiền thuê: thanh toán sau mỗi tháng  
Điều 8. Tiền thuê (dự kiến) (Phần B - Điều 3, 21): Theo Biểu Tiền Thuê dự kiến đính kèm  
Biểu Tiền Thuê cuối cùng sẽ được Bên Cho thuê phát hành ngay sau khi Giá Mua được xác định.

Các khoản Tiền Thuê nói trên được tính dựa trên Lãi suất thuê, phương thức trả Tiền Thuê, Giá Mua và Thời Hạn Thuê  
như được quy định ở đây. Các khoản Tiền Thuê thực tế sẽ thay đổi và điều chỉnh dựa trên Lãi suất cơ bản áp dụng đối với  
mỗi kỳ thanh toán Tiền Thuê.

Tiền thuê kỳ 1 là Tiền Thuê trả trước của Bên Thuê và sẽ được trả ngay khi ký Hợp Đồng.

Phan lãi của Tiền Thuê được tinh bằng (=) số tiền dư nợ gốc thuê tại thời điểm tinh lãi nhân với (x) lãi suất (%/năm) nhân  
với (x) số ngày thuê thực tế chia cho (:) 365 ngày.

2022-00292-000 2

XS

NV ——— ee wry ef

hha NÙN.

⁄⁄2u^

Nếu số tiền thuê có đơn vị phụ ( ví dụ: Đô la Mỹ có đơn vị phụ là cent ), thì đơn vị phụ sẽ được làm tròn 2 số thập phân.  
Điều 9. Giá trị mua lại: 1.0 % Giá mua

Khi kết thúc thời hạn thuê, Bên Thuê sẽ mua lại Thiết Bị với số tiền bằng Giá trị mua lại như được quy định ở đây. Giá trị  
mua lại không bao gồm chi phí, thuế hoặc các phi tổn khác. Bên Cho Thuê có thé dùng Tiền Ký Quỹ, không cần báo hay  
có sự đồng ý của Bên Thuê, dé thanh toán Giá trị mua lại khi thanh lý Hợp Đồng này. Bên Thuê sẽ chịu mọi chỉ phí, thuế  
và các phí tôn khác liên quan đến việc chuyển quyền sở hữu Thiết Bị khi kết thúc thời hạn thuê.

Điều 10. Lãi suất phạt (Phần B - Điều 3): 150% Lãi suất thuê, hiện tại là 14.145 %/năm

Điều 11. Giấy hẹn trả nợ, Chỉ phiếu (Phan B - Điều 9): Không áp dụng

Điều 12. Tiền ký quỹ (Phần B - Điều 10, 21): 15.0 % Giá mua

Điều 13. Bảo hiểm (Phần B - Điều 12): Bên Thuê chịu trách nhiệm mua Bảo hiểm xe cơ giới: thiệt hại vật chất và trách  
nhiệm dân sự của chủ xe trong suôt Thời hạn thuê.

Điều 14. Bảo đảm (Phần B - Điều 24): Không áp dụng  
Điều 15. Phí cam kết: 0.0% Giá mua

Khi ký Hợp đồng này, Bên Thuê trả cho Bên Cho Thuê bằng tiền mặt hoặc / và chuyển khoản ngân hàng phí cam kết như  
được ghi ở đây và không được hoàn lại trong mọi trường hợp.

Những cụm từ dùng trong Phần A có cùng nghĩa như trong Phan B. Trừ các sửa đôi trong Phần A, các Điều khoản tại Phần  
B vẫn giữ nguyên hiệu lực và giá trị.

2022-00292-000 3

~ — a 6%

ror Gee t

kẽ

DANH SACH THIET BỊ  
Đính kèm Hop đồng cho thuê số 2022-00292-000 ,ngày „22 ƒƒ //o22  
STT Mô tả thiết bị DVT Số lượng  
1 Toa xe H đa năng khổ đường 1000mm, Mới 100%, toa 14  
lắp ráp tại Việt Nam năm 2022

2022-00292-000

> me + zaã No UA

Bén cung cap Dia chi lap dat

CÔNG TYCỎPHÀN Đăng ky tại Cục Đường Sat Việt Nam  
VẬN TÀI ĐƯỜNG

SÁT VIỆT NAM

a el ee Xã ma M2 KX(sŸ

BIEU TIEN THUÊ DỰ KIÊN

Đính kèm theo HDCT số 2022-00292-000, ngày 2 2 Í4{/.)022-

Số Số dư đầu kỳ  
AC 18,900,000,000  
| 18,900,000,000  
2 17,010,000,000  
3 16,726,500,000  
4 16,443,000,000  
5 16,159,500,000  
6 15,876,000,000  
7 15,592,500,000  
8 15,309,000,000  
9 15,025,500,000  
10 14,742,000,000  
ll 14,458,500,000  
12 14,175,000,000  
13 13,891,500,000  
14 13,608,000,000  
15 13,324,500,000  
16 13,041,000,000  
17 12,757,500,000  
18 12,474,000,000  
19 12,190,500,000  
20 11,907,000,000  
21 11,623,500,000

2022-00292-000

Lai trong ky  
0

131,839,151  
133,963,226  
131,692,663  
116,897,381  
127,151,537  
120,852,555  
122,610,411  
116,457,917  
118,069,284  
115,798,721  
109,865,959  
111,257,595  
105,471,321  
106,716,469  
104,445,905  
95,583,385  
99,904,779  
94,484,725  
95,363,653

90,090,087

Trả gốc  
0

1,890,000,000  
283,500,000  
283,500,000  
283,500,000  
283,500,000  
283,500,000  
283,500,000  
283,500,000  
283,500,000  
283,500,000  
283,500,000  
283,500,000  
283,500,000  
283,500,000  
283,500,000  
283,500,000  
283,500,000  
283,500,000  
283,500,000  
283,500,000

283,500,000

Tiền thuê

0  
1,890,000,000  
415,339,151  
417,463,226  
415,192,663  
400,397,381  
410,651,537  
404,352,555  
406,110,411  
399,957,917  
401,569,284  
399,298,721  
393,365,959  
394,757,595  
388,971,321  
390,216,469  
387,945,905  
379,083,385  
383,404,779  
377,984,725  
378,863,653

373,590,087

Số dư cuối ky  
18,900,000,000

17,010,000,000  
16,726,500,000  
16,443 ,000,000  
16,159,500,000  
15,876,000,000  
15,592,500,000  
15,309,000,000  
15,025,500,000  
14,742,000,000  
14,458,500,000  
14,175,000,000  
13,891,500,000  
13,608,000,000  
13,324,500,000  
13,041,000,000  
12,757,500,000  
12,474,000,000  
12,190,500,000  
11,907,000,000  
11,623,500,000

11,340,000,000

peor Ye

Paes

— Mà

22 11,340,000,000  
23 11,056,500,000  
24 10,773,000,000  
25 10,489,500,000  
26 10,206,000,000  
27 9,922,500,000  
28 9,639,000,000  
29 9,355,500,000  
30 9,072,000,000  
31 8,788,500,000  
32 8,505,000,000  
33 8,221,500,000  
34 7,938,000,000  
35 7,654,500,000  
36 7,371,000,000  
37 7,087,500,000  
38 6,804,000,000  
39 6,520,500,000  
40 6,237,000,000  
41 5,953,500,000  
42 5,670,000,000  
43 5,386,500,000  
44 5,103,000,000  
45 4,819,500,000  
46 4,536,000,000  
47 4,252,500,000

2022-00292-000

90,822,527  
88,551,963  
83,498,129  
84,010,837  
79,103,491  
79,469,711  
77,199,148  
67,677,431  
72,658,021  
68,116,895  
68,116,895  
63,722,257  
63,575,769  
61,305,206  
57,130,299  
56,764,079  
52,735,661  
52,222,953  
49,952,390  
43,067,456  
45,411,264  
41,749,065  
40,870,137  
37,354,427  
36,329,011

34,058,448

283,500,000  
283,500,000  
283,500,000  
283,500,000  
283,500,000  
283,500,000  
283,500,000  
283,500,000  
283,500,000  
283,500,000  
283,500,000  
283,500,000  
283,500,000  
283,500,000  
283,500,000  
283,500,000  
283,500,000  
283,500,000  
283,500,000  
283,500,000  
283,500,000  
283,500,000  
283,500,000  
283,500,000  
283,500,000

283,500,000

374,322,527  
372,051,963  
366,998,129  
367,510,837  
362,603,491  
362,969,711  
360,699,148  
351,177,431  
356,158,021  
351,616,895  
351,616,895  
347,222,257  
347,075,769  
344,805,206  
340,630,299  
340,264,079  
336,235,661  
335,722,953  
333,452,390  
326,567,456  
328,911,264  
325,249,065  
324,370,137  
320,854,427  
319,829,011

317,558,448

11,056,500,000  
10,773,000,000  
10,489,500,000  
10,206,000,000  
9,922,500,000  
9,639,000,000  
9,355,500,000  
9,072,000,000  
8,788,500,000  
8,505,000,000  
8,221,500,000  
7,938,000,000  
7,654,500,000  
7,371,000,000  
7,087,500,000  
6,804,000,000  
6,520,500,000  
6,237,000,000  
5,953,500,000  
5,670,000,000  
5,386,500,000  
5,103,000,000  
4,819,500,000  
4,536,000,000  
4,252,500,000

3,969,000,000

se fe"

4S À x2 sé

es ' Ò`

3,969,000,000  
3,685,500,000  
3,402,000,000  
3,118,500,000  
2,835,000,000  
2,551,500,000  
2,268,000,000  
1,984,500,000  
1,701,000,000  
1,417,500,000  
1,134,000,000  
850,500,000  
567,000,000

283,500,000

2022-00292-000

30,762,469  
29,517,321  
26,367,831  
24,976,195  
22,705,632  
18,457,482  
18,164,506  
15,381,235  
13,623,379  
10,986,596  
9,082,253

6,811,690

4,394,639

2,197,320

4,077,418,742

283,500,000  
283,500,000  
283,500,000  
283,500,000  
283,500,000  
283,500,000  
283,500,000  
283,500,000  
283,500,000  
283,500,000  
283,500,000  
283,500,000  
283,500,000  
283,500,000

18,900,000,000

314,262,469  
313,017,321  
309,867,831  
308,476,195  
306,205,632  
301,957,482  
301,664,506  
298,881,235  
297,123,379  
294,486,596  
292,582,253  
290,311,690  
287,894,639

285,697,320

22,977,418,742

3,685,500,000  
3,402,000,000  
3,118,500,000  
2,835,000,000  
2,551,500,000  
2,268,000,000  
1,984,500,000  
1,701,000,000  
1,417,500,000  
1,134,000,000  
850,500,000  
567,000,000  
283,500,000

0

4⁄2 M

~

Lứ%¿

S5 .,.x... 100

"

”WỨ.\_LGỤ.. es kk om: bs

| a. Ve =

PHAN B. CAC DIEU KHOẢN VA DIEU KIEN CHUNG  
Diéu 1. Cho Thué

Bên Cho Thuê dưới đây cho Bên Thuê thuê, và Bên Thuê đồng ý thuê từ Bên Cho Thuê theo các điều khoản được qui định  
trong hợp đồng cho thuê này (“Hợp Đồng' ” động sản, cùng với tat cả những bộ phận đính kèm, thay thé, linh kiện, thêm  
vào, việc sửa chữa, và đồ phụ tùng được gắn vào và/hay kèm theo đó (từ đây được gọi là “Thiết B†) được mô tả trong các  
biểu thuê của Hợp Đồng mà Các Bên đã ký kết theo Hợp Đồng, các biểu này sẽ được xem như một phần của Hợp Đồng  
(“Biew”).

Điều 2. Thời Hạn Thuê

(a) Thời hạn (“Thời Hạn Thuê ”) Bén Thué sé thué va str dung Thiét bi va cũng là Thời hạn trả tiền thuê liên tục nhau sẽ  
được ghi rõ trong Phần A. Điều kiện thuê và sẽ bất đầu vào ngày (“Ngày Bắt Đầu”) Bên Cho Thuê thông báo cho Bên  
Thuê căn cứ theo Hợp Đồng.

(b) Việc Cho Thuê sẽ chấm dứt khi Bên Thuê thực hiện xong tất cả các nghĩa vụ của Bên Thuê được quy định trong Hợp  
Đông và không có bât cứ sự vi phạm nào ở bât cứ Hợp Đông cho thuê nào khác của Bên Cho Thuê và Bên Thuê.

Điều 3. Tiền Thuê và Các Khoản Tiền Khác

(a) Bên Thuê sẽ trả cho Bên Cho Thuê các khoản tiền thuê như được qui định trong Phần A. Điều kiện thuê (“Tiền Thuê”)  
vào các ngày được nêu trong Biểu tại nơi kinh doanh của Bên Cho Thuê (hay tại nơi do Bên Cho Thuê chỉ định) băng  
tiên mặt hoặc/và chuyên khoản ngân hàng băng loại tiên qui định tại Điều 2. Loại tiền thuê, Phần A. Điều kiện thuê.

(b) Nếu Bên Thuê không trả đúng thời hạn bat cứ số tiên gốc thuê về lãi thuê được qui định theo Hợp Đồng và không cung  
cấp được đơn đề nghị cơ cấu lại Biểu thanh toán tiền thuê được chấp thuận bởi Bên Cho Thuê, thì toàn bộ số tiền gốc  
thuê sẽ được chuyển nợ quá hạn theo quy định pháp luật hiện hành. Đồng thời, Bên Thuê phải trả tiền lãi chậm trả trên  
số tiền chưa thanh toán tính từ ngày phải trả cho đến ngày toàn bộ số tiền được trả theo mức lãi suất như sau:

Gi) Lãi suất phạt được néu tai Điều 10 của Phần A. Điều kiện thuê đối với số tiền gốc thuê chưa trả.  
(ii) Lãi suất phạt được nêu tại Điều 10 của Phan A. Điều kiện thuê nhưng không vượt quá 10⁄/năm đối với số tiền lãi  
thuê chưa trả.

(c) Nếu Tiền Thuê hay các khoản thanh toán khác phải trả theo Hợp Đồng được ghỉ bằng ngoại tệ, thì chúng sẽ được. trả  
bằng ngoại tệ. Trường hợp Bên Thuê chưa có đủ ngoại tệ để trả các khoản đến hạn, Bên Thuê có thể tạm thời trả bằng  
đồng Việt Nam theo tỷ giá bán loại ngoại tệ đó theo phương thức chuyển khoản cho khách hàng của Ngân Hàng Ngoại  
Thương 'Việt Nam (Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh) được áp dụng vào ngày việc thanh toán được thực hiện. Các  
khoản tiền đến hạn phải được thanh toán đầy đủ bằng ngoại tệ trong vòng chín (09) ngày ké từ ngày đến hạn. Ngay khi  
nhận được các khoản thanh toán đến hạn bằng ngoại tệ, Bên Cho Thuê sẽ hoàn lại số tiền đã trả tạm thời nhận được  
bằng đồng Việt Nam cho Bên Thuê.

(d) Nghĩa vụ của Bên Thuê phải thanh toán Tiền Thuê và các khoản thanh toán khác dưới đây là vô điều kiện và sẽ không  
được miễn hay giải tỏa vì bất cứ lý do nào, kẻ cả nhưng không giới hạn vào: (i) sự bù trừ, đòi ngược lại, thu hồi, sự biện  
hộ hay quyền khác mà Bên Thuê dùng dé chống lại Bên Cho Thuê, nhà cung cấp Thiết Bị hay bat cứ ai vì bất cứ lý do  
gì và (1) bất cứ sự khiếm khuyết nào trong tình trạng, thiết kế, hoạt động hay sự sử dụng được của Thiết Bị hay sự gián  
đoạn hay ngừng sử dụng hay giữ lấy Thiết Bị bởi Bên Thuê vì bat cứ lý do nào.

Nếu có sự giảm bớt hay khẩu trừ theo luật pháp, Bên Thuê sẽ trả thêm số tiền giảm đó khi cần thiết đẻ số tiền thực sự  
nhận được vẫn bằng với số tiền đáng lẽ sẽ nhận được khi không có sự giảm giá hay khấu trừ.

7¬  
œ@  
~

(f) Bên Cho Thuê có thể áp dụng bất cứ kiểu thanh toán nào dưới đây đối với bất cứ số tiền nào nợ mình theo thứ tự ưu tiên  
do Bên Cho Thuê quyết định.

Điều 4. Quyền Sở Hữu Thiết Bị

(a) Không có quyền, chủ quyền, hay quyền lợi nào của Thiết Bị sẽ được chuyên sang cho Bên Thuê (bao gồm nhưng không  
giới hạn cả việc nếu Bên Thuê mắt khả năng chi trả) ngoài quyền giữ và sử dụng Thiết Bị cho đến hết Thời Hạn Thuê  
miễn là Bên Thuê tuân theo và thực hiện các điều khoản và điều kiện của Hợp Đồng.

2022-00292-000

4,= Se

— a ae AT

a

(b) Bên Thuê đồng ý gắn bảng và chịu phí tồn, lên Thiết Bị ghi rõ quyền lợi của Bên Cho Thuê hay bat cứ dấu hiệu nào mà  
Bên Cho Thuê yêu câu. Bên Cho Thuê và Bên Thuê xác nhận ở đây ý định rằng Thiết Bị sẽ vẫn luôn luôn là động sản  
cho dù Thiết Bị sau này có thê được đính vào hay gan chặt vào một bất động sản.

(c

~

Néu không có giấy chấp thuận của Bên Cho Thuê, Bên Thuê đồng ý không: (i) bán, chuyển nhượng, cho thuê lại, cho  
mượn, thế chấp, cầm có, để đương hay nói khác tạo một trái vụ hay nghĩa vụ trả tiền nào trên quyền lợi của Hợp Đồng  
hay Thiết BỊ, (ii) chuyén dịch Thiết Bị khỏi noi lắp đặt (iii) thay đổi chức năng, khả năng, chất lượng hay gì khác của  
Thiết Bi, (iv) gắn Thiết bị vào bất động sản, (v) tháo bỏ hay làm biến dang bảng chữ được gắn trên Thiết Bị như được  
nêu ở khoản (b) Điều này, (vi) cho phép người khác sử dụng Thiết Bi, (vii) sử dụng Thiết Bị không đúng theo thiết kế  
hay với một mục đích không được bảo hiểm, hay (viii) có hành động hay dé cho ai có hành động gi có thé gây hai cho  
À s1. sh ar A a  
quyên sở hữu Thiét Bi của Bên Cho Thuê.

(d) Bên Thuê sẽ thực hiện bat cứ điều gì cần thiết dé tuân thủ các khoản (a), (b), (c) Điều này và giữ cho Thiết Bị không bị  
cưỡng chế hay chịu hành vi tước đoạt thực tế hay pháp lý bởi người thứ ba. Bên Thuê sẽ lập tức báo cho Bên Cho Thuê  
biết bat cứ mối đe doa nào và sẽ chịu trách nhiệm và phí tổn giải quyết các mối đe dọa đó. Khi bảo vệ và giải quyết các  
mối đe dọa, Bên Thuê sẽ làm theo các hướng dẫn của Bên Cho Thuê. Trong trường hợp Bên Cho Thuê phát sinh những  
chỉ phí (bao gồm tiền thuê luật sư và phi tài chính) dé giải quyết van đề này, Bên Thuê sẽ gánh chịu những chi phí đó.

Điều 5. Điều Kiện Tiên Quyết Dé Mua (Mở Tin Dung Thu) Và Việc Giao Thiết Bị

Bên Cho Thuê sẽ không phải mua và/hay mở bat cứ Tín Dụng Thư nào và giao bat cứ phần nào của Thiết Bị cho đến khi  
Bên Thuê giao đầy đủ các tài liệu do Bên Cho Thuê yêu cầu và thanh toán đầy đủ các khoản phải trả đến hạn cho Bên Cho  
Thuê.

Điều 6. Lựa Chọn và Mua Thiết Bị

(a) Bên Thuê thừa nhận rằng họ đã chọn Thiết Bị và nhà sản xuất hay nhà cung cấp (“Nha Cung Cấp”) và đã quyết định về  
kích cỡ, đặc điểm, giá cả và những điều kiện mua bán khác dựa trên sự suy xét của mình và xác nhận bác bỏ sự tùy  
thuộc nào trên lời nói hay sự trình bày của Bên Cho Thuê. Bên Cho Thuê sẽ chịu trách nhiệm nhập khẩu Thiết Bị miễn  
là Bên Thuê, nếu Bên Cho Thuê yêu cầu, hoàn tắt thủ tục nhập khâu và khai báo hải quan. Việc nhập khẩu và khai báo  
hải quan phải làm rõ quyền sở hữu Thiết Bị của Bên Cho Thuê. Bên Cho Thuê có thé yêu cầu Bên Thuê thực hiện  
những biện pháp cần thiết về các việc trên.

(b) Bên Cho Thuê không chịu trách nhiệm gì về sự chậm trễ hay không nhập khẩu hay không giao Thiết Bị hay hủy bỏ hợp

đồng mua bán Thiết Bị, trừ khi là nếu Thiết Bị không được giao đúng hẹn do lỗi của Bên Cho Thuê trong khi ký hợp

đồng mua Thiết Bị với Nhà Cung Cấp thì Bên Cho Thuê phải bồi thường cho Bên Thuê chỉ phí nào phát sinh thêm do  
sự chậm trễ hay liên quan đến việc nhập khâu Thiết Bị. Bên Cho Thuê không tuyên bố hay ngụ ý bảo đảm gì bao gồm  
những lời bảo đảm về khả năng mua bán của Thiết Bị trên thị trường hay sự sử dụng được với một ứng dụng cụ thể nào  
đó và bác bỏ những sự bảo đảm đó. Bên Cho Thuê không chịu trách nhiệm về việc sửa chữa, hư hỏng, dịch vụ hay các  
khiếm khuyết của Thiết Bị hay trong hoạt động của Thiết Bị hay bất cứ sự vi phạm nào đối với bảo đảm của Nhà Cung

Cấp.  
(c) Bên Cho Thuê có thể hủy Hợp Đồng nếu hợp đồng mua thiết bị không được thực hiện trong vòng 30 ngày kể từ ngày  
ký Hợp Đồng.

(d) Bên Cho Thuê có thé hủy Hợp Đồng nếu Thiết Bị không được giao cho Bên Thuê trong vòng 90 ngày (đối với thiết  
bị mua trong nước) và 180 ngày (đối với thiết bị nhập khẩu) kẻ từ ngày ký kết Hợp Đồng, bất kể nguyên nhân.

~

(e) Giá mua Thiết Bị (Gia Mua”) là toàn bộ số tiền gồm giá mua, lãi phát sinh và tất cả các khoản chỉ phí mà Bên Cho  
Thuê đã trả cho đến Ngày Bắt Đầu, ngày mà Thời hạn trả tiền thuê bắt đầu, để mua, vận chuyển và giao Thiết Bị đến  
nơi lắp đặt cộng với tiền lãi, và các lệ phí khác được ghi trong Biểu.

(f) Mọi phí tổn về việc mua, nhập. khẩu, giao, lắp đặt và thử Thiết Bị sẽ do Bên Thuê chịu, và Bên Thuê sẽ hoàn lại cho  
Bên Cho Thuê những khoản tiền mà Bên Cho Thuê đã chỉ, chưa được tính trong Giá Mua, trước hoặc sau Ngày Bắt  
Đầu.

(g) Bên Thuê đồng ý, dù Thiết Bị có được giao đến Bên Thuê rồi hay chưa, hoàn lại ngay cho Bên Cho Thuê tất cả chỉ phí  
mà Bên Cho Thuê đã chỉ gồm, nhưng không giới hạn trong phí bảo hiểm, hư hại Thiết Bị trước khi giao, chỉ phí cho  
luật sư, in ấn, liên lạc, đi lại, và tất cả chỉ phí liên quan khác để lo cho việc thương thảo, chuẩn bị, thực hiện và quản lý

2022-00292-000

— Mu

Hợp Đồng và tài liệu dưới đây (bao gồm các điểm bổ sung, được bỏ qua hay đồng ý) cần đến trong suốt thời hạn của  
Hợp Đông.

(h) Không giới hạn tính tong quát của khoản (g) Điều này, nếu Hợp Đồng kết thúc trước khi Thiết Bị được giao đến cho  
Bên Thuê do lỗi của Bên Thuê, thì Bên Thuê phải lập tức hoàn lại cho Bên Cho Thuê tất cả các chỉ phí mà Bên Cho  
Thuê đã chi.

Điều 7. Giao nhận, lắp đặt và bảo hành Thiết Bị

(a) Chi tiết của việc giao nhận, lắp đặt và bảo hành Thiết Bị sẽ được quy định cụ thé tại hợp đồng mua bán Thiết Bị.

(b) Vào ngày giao Thiết Bị cho Bên Thuê, Bên Thuê phải cấp Văn Bản Chấp Thuận cho Bên Cho Thuê theo mẫu của  
Bên Cho Thuê.

(c) Bên Thuê có thé sử dụng Thiết Bị từ ngày cap Văn Bản Chấp Thuận.

(d) Văn Bản Chấp Thuận sẽ là bằng chứng quyết định giữa Bên Cho Thuê và Bên Thuê, rằng Bên Thuê thỏa mãn và chap  
nhận Thiết Bị ở trong tình trạng tốt và sẽ không khiếu nại chống lại Bên Cho Thuê về khiếm khuyết của Thiết Bị. Bên  
Cho Thuê có thể giao lại cho Bên Thuê quyền khiếu nại Nhà Cung Cấp về thiệt hại do sự khiếm khuyết cũng như việc  
giao trễ Thiết Bị.

(e)\_ Bên Cho Thuê sẽ không chịu trách nhiệm sắp xếp việc giao Thiết Bị đến cho Bên Thuê, nếu Bên Thuê không yêu cầu  
và thanh toán các chi phí liên quan đến việc giao Thiết Bi.

Điều 8. Sử Dụng, Kiểm Tra

(a) Bên Thuê sẽ chăm sóc và sử dụng Thiết Bị như một người bảo quản có thiện ý M trong việc giữ và dùng Thiết Bị và chỉ  
giao cho người có khả năng sử dụng Thiết Bị đúng theo chỉ dẫn của nhà sản xuất, theo các qui định của Nhà nước, nếu  
có, và chỉ cho mục đích kinh doanh.

(b) Bên Thuê sẽ bồi thường cho bên thứ ba mọi thiệt hại do Thiết bị gây ra ngay cả khi Bên Thuê không có lỗi hay Thiết Bi  
bị chiếm hữu hay sử dụng trái pháp luật bởi một bên thứ ba.

(c) Tùy theo sự tuân thủ các qui định của Hợp Đồng, Bên Thuê được quyền sử dụng Thiết Bị trong suốt Thời Hạn Thuê.

(d) Bên Cho Thuê (hoặc người được Bên Cho Thuê ủy quyền) được quyền đến cơ sở của Bên Thuê hoặc nơi khác vào bất  
cứ lúc nào với mục đích kiểm tra sự tồn tại, điều kiện tốt và bảo trì đúng mức Thiết Bị.

Điều 9. Giấy Hẹn Trả Nợ, Chỉ Phiếu, Giấy Báo Vi Phạm

(a) Ngay khi ký kết Hợp Đồng hay Biểu, Bên Thuê sẽ giao cho Bên Cho Thuê, đúng theo Biểu, giấy hẹn trả nợ đã được  
ngân hàng xác nhận với so tiền thuê ghi bằng tiền đồng Việt Nam như qui định dưới đây và có thé trả theo yêu cầu.  
Bên Cho Thuê có thể yêu cầu Bên Thuê trả bằng chi phiéu, thay vi giao giấy hen trả nợ, đã ghi đầy đủ trừ ngày rút tiền  
van dé trong, va với số tiền tương đương số Tiền Thuê bằng tiền đồng Việt Nam như qui định dưới đây cùng với Giấy  
Ủy Quyền theo mẫu được Bên Cho Thuê chấp nhận.

(b) Nếu Tiền Thuê được ghi bằng ngoại tệ, Bên Thuê ngay khi ký kết Hợp Đồng hay Biểu liên quan sẽ giao cho Bên Cho  
Thuê, đúng theo Biểu, giấy hẹn trả nợ đã được ngân hàng. xác nhận, có thể trả theo yêu cầu và được ghi đầy đủ ngoại  
trừ số tiền được dé trống cùng với Giấy Ủy Quyền theo mẫu được Bên Cho Thuê chấp nhận.

(c) Ngoài các giấy hẹn trả nợ và chỉ phiếu được nói đến ở trên, Bên Thuê ngay Khi ký kết Hợp Đồng sẽ giao cho Bên Cho  
Thuê một giấy hẹn trả nợ có thé trả theo yêu cầu đã ghi đầy đủ ngoại trừ số tiền được để trồng, cùng với Giấy Ủy Quyền  
theo mẫu được Bên Cho Thuê chấp nhận.

(d) Bên Cho Thuê có thé yêu cầu Bên Thuê thay đổi hay điều chỉnh và giao, toàn bộ hay từng phần, các giấy hẹn trả nợ  
hoặc chi phiếu, và Giấy Ủy Quyền cho Bên Cho Thuê theo các khoản (a), (b), (c) Điều này, vào những lúc Bên Cho  
Thuê yêu câu.

Điều 10. Tiền Ký Quỹ

(a) Vào ngày ký Hợp Đồng, Bên Thuê sẽ trả cho Bên Cho Thuê bằng tiền mặt hoặc/và chuyển khoản ngân hàng một số  
tiền ký quỹ như được qui định trong Phần A. Điều kiện thuê (“Tiền Ký Quỹ”).

2022-00292-000

tu san

le

(b)

(c)  
(d)

(e)

(f)

(g)

Nếu Giá Mua tăng theo các điều khoản của Hợp Đồng, Bên Cho Thuê có thé điều chỉnh Tiền Ký Quỹ cho phù hợp và  
Bên Thuê sẽ trả cho Bên Cho Thuê bằng tiền mặt hoặc/và chuyển khoản ngân hàng đúng số tiền sau khi đã điều chỉnh.

Bên Cho Thuê không phải trả tiền lãi trên Tiền Ký Quỹ.

Khi hết hạn Hợp Đồng, nếu Bên Thuê thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng, Bên Cho Thuê sẽ trả lại  
Tiên Ký Quỹ cho Bên Thuê.

Bên Cho Thuê có thể dùng Tiền Ký Quỹ, không cần báo hay có sự đồng ý của Bên Thuê, để thanh toán toàn bộ hay tat  
cả khoản tiền nào đến hạn mà Bên Thuê phải trả cho Bên Cho Thuê vào ngày qui định theo thứ tự trả tiền mà Bên Cho  
Thuê có thé quyết định, nhưng Bên Thuê không được phép yêu cầu được dùng Tiền Ký Quỹ dé trả cho các khoản Tiền  
Thuê, tiền lãi hay các khoản nợ khác của Bên Thuê đối với Bên Cho Thuê.

Nếu giữa Bên Cho Thuê và Bên Thuê có giao dịch kinh doanh ngoài Hợp Đồng và Bên Cho Thuê có nhận những khoản  
tiền ký quỹ khác ngoài Tiền Ký Quy này, tất cả các bảo đảm đó sẽ tổng gdp bảo đảm cho các nghĩa vụ của Bên Thuê  
theo đây va có thé được đổi thành tiền, bù trừ hay dem bán để trừ vào nghĩa vụ theo thứ tự mà Bên Cho Thuê có thé tự  
quyết định một mình.

Trong trường hợp một phần hay toàn bộ Tiền Ký Quỹ được dùng để trả Tiền Thuê hay những khoản khác mà Bên Thuê  
nợ Bên Cho Thuê, Bên Thuê sẽ phải đặt ký quỹ với Bên Cho Thuê bằng tiền mặt hoặc/và chuyển khoản ngân hàng  
thêm một số tiền dé bù lại số Tiền Ký Quỹ bị thiếu, Bên Thuê phải chịu phạt trên số tiền bị thiếu được tinh bằng lãi suất  
phạt trên số ngày ké từ ngày Tiền Ký Quỹ được dùng đẻ thanh toán cho đến ngày Bên Thuê nộp đủ Tiền Ký Quỹ.

Điều 11. Sửa Chữa, Hư Hong Và Mắt Mat

(a)

(b)

(c)

(d)

Bên Thuê, với chi phi của minh, sẽ giữ toàn bộ Thiết Bị sạch, trong điều kiện sửa chữa va hoạt động tốt và sé trang bị  
tắt cả các bộ phận, máy móc, dụng cụ, và dịch vụ cần thiết cho Thiết Bị. Tất cả các bộ phận, máy móc, và dung cụ đó  
sẽ lập tức trở thành tài sản của Bên Cho Thuê và tạo thành một phần của Thiết Bị trong mọi mục đích của Hợp Đồng.  
Nếu Bên Thuê không thực hiện các nghĩa vụ, Bên Cho Thuê có thể, nhưng không bị bắt buộc, thực hiện bảo trì, v.v. và  
Bên Thuê phải trả mọi chi phí cùng với lãi phạt như được qui định ở khoản (b) Điều 3 Phần này.

Nếu được Bên Cho Thuê yêu cầu, Bên Thuê phải có hợp đồng bảo trì thường xuyên đối với Thiết Bị theo mẫu được  
Bên Cho Thuê chấp nhận. Bên Thuê sẽ trả tất cả mọi phí tôn về hợp đồng bảo trì.

Nếu Thiết Bị bị mat, đánh cắp, tiêu hủy hay hư hỏng đến nỗi không sửa được vì bất cứ lý do nào, dù trước hay sau khi  
giao, hay nếu có sự kết án, tịch thu, đánh cấp, sai áp hay trưng thu chủ quyền hay sử dụng thì, tùy theo sự lựa chọn của  
Bên Cho Thuê, Bên Thuê sẽ: (i) thay thế Thiết Bị bằng Thiết Bị có cùng nhãn hiệu, cùng kiểu hay kiểu mới hơn, Thiết  
Bi thay thế sẽ thuộc quyền sở hữu của một mình Bên Cho Thuê, các điều khoản và điều kiện vẫn giữ nguyên hiệu lực  
không thay đổi, và Bên Cho Thuê không bị bắt buộc phải cung cấp thiết bị thay thế như thế hay bồi thường cho Bên  
Thuê việc kinh. doanh bị gián đoạn, hay (ii) lập tức trả cho Bên Cho Thuê bằng tiền mặt hoặc/và chuyên khoản ngân  
hàng toàn bộ gốc và lãi thuê đến hạn và chưa đến hạn, khi đó Bên Thuê sẽ tiếp tục trả Tiền Thuê cho Bên Cho Thuê và  
Hợp Đồng sẽ vẫn có hiệu lực cho đến khi toàn bộ gốc và lãi thuê đến hạn và chưa đến hạn và tat cả hay bat cứ khoản  
tiền nào khác được quy định dưới đây đã được trả đầy đủ, cộng với tiền gia hạn hay quyền lựa chọn t mua. Khi tất oa cac  
khoản tiền đó đã được trả, Bên Cho Thuê sẽ chuyển cho Bên Thuê, không truy đòi hay bảo đảm, tất cả các quyền của  
Bên Cho Thuê, chủ quyền và quyền lợi, nếu có, trên Thiết Bị, và các quyền lợi về bảo hiểm sẽ được trả cho Bên Thuê.

Bên Thuê phải lập tức báo cho Bên Cho Thuê biết nếu toàn bộ hay một phần Thiết Bị bị đánh cắp, phá hỏng hay tiêu  
hủy.

Điều 12. Bảo hiểm

(a)

(b)

Bên Cho Thuê có thể ký và duy trì hợp đồng bảo hiểm tổng quát trên Thiết Bị trong suốt thời hạn Hợp Đồng đến mức  
độ mà Bên Cho Thuê cho là hợp lý và toàn bộ chi phí mua bảo hiểm Thiết bị sẽ do Bên Thuê trả như sắp đặt của Bên  
Cho Thuê.

(i) Bên Thuê phải ký và duy trì trong suốt thời hạn Hợp Đồng, với chỉ phí của mình, các bảo hiểm khác có hình thức và  
giá trị được Bên Cho Thuê chấp nhận theo như yêu cầu có thé có của Bên Cho Thuê. Nếu Bên Thuê không chịu mua  
bảo hiểm, Bên Cho Thuê sẽ mua với phí ton do Bên Thuê chịu.

2022-00292-000 11

4“ 5

(c)

(ii) Tất cả bảo hiểm về thiệt hại tài sản và trách nhiệm khác sẽ bảo hiểm trách nhiệm mà Bên Cho Thuê hoặc Bên Thuê  
có thê gây ra do sự sử dụng, bảo trì, sở hữu hay hoạt động Thiết Bị.

Tat cả bảo hiểm được mua cho Thiết Bị sẽ tuân theo các điểm sau:

(i) Tat cả các khoản giảm sẽ được tính cho Bên Thuê;

(ii) Mỗi hợp đồng bảo hiểm, hay việc ký hậu hợp đồng bảo hiểm tổng quát, nếu có, trên Thiết Bị sẽ do cả Bên Cho Thuê

và Bên Thuê đứng tên, và sẽ được giao cho Bên Cho Thuê;

(iii) Bên Thuê sẽ mua tat cả bảo hiểm ở các công ty bảo hiểm được sự đồng ý của Bên Cho Thuê. Mỗi hợp đồng sẽ có

hình thức và các điều khoản được Bên Cho Thuê chấp nhận và miễn là hợp đồng không thé hết hiệu lực, bị cham  
dứt, bị hủy bỏ hay sửa đôi lớn lao mà không có văn bản báo trước cho Bên Cho Thuê;

(iv) Ở bất cứ thời điểm nào, tiền bảo hiểm mất mát, hư hại Thiết Bị không được thấp hơn dư nợ gốc; và

(v)\_ Không thay đổi bat cứ điều gì về bảo hiểm mà không có văn bản chấp thuận trước của Bên Cho Thuê.

(d)

(e)

(f)

(g)

(h)

Các nghĩa vu dưới đây của Bên Thuê gồm không giới hạn nghĩa vu trả Tiền Thuê sẽ tiếp tục cho dù có xảy ra mat mát  
hay thiệt hại không được bảo hiểm cho Thiết Bị.

Khi xảy ra sự cố được bảo hiểm, tiền bảo hiểm sẽ được trả cho Bên Cho Thuê và sẽ được sử dụng theo thứ tự ưu tiên  
do Bên Cho Thuê lựa chon: (i) sửa chữa hoặc thay thế Thiết Bi, (ii) trả dư nợ gốc cùng với tiền gia hạn hay lựa chọn  
mua, và (iii) bôi thường cho bên thứ ba vì những thiệt hai mà bên thứ ba phải chịu do sự cô có bảo hiểm.

Khi xảy ra sự cố có bảo hiểm, Bên Thuê phải lập tức báo cho Bên Cho Thuê biết và giao cho Bên Cho Thuê tắt cả tài  
liệu cần thiết dé đòi và nhận tiền bảo hiểm.

Bên Thuê phải cung cấp cho Bên Cho Thuê giấy chứng nhận bảo hiểm hay bằng chứng chứng tỏ bảo hiểm có hiệu lực,  
tuy nhiên, Bên Cho Thuê không có nghĩa vụ phải xác nhận sự tồn tại hay kiểm tra hợp đồng bảo hiểm hay phải thông  
báo cho Bên Thuê là các bảo hiểm đó không phù hợp với các yêu cầu của Hợp Đồng.

Nếu Bên Thuê không mua bảo hiểm được yêu cầu dưới đây hay không trả tiền bảo hiểm khi đến hạn, Bên Cho Thuê có  
thể mua bảo hiểm và/ hay trả tiền bảo hiểm chưa được trả và các chỉ phí khác và toàn bộ chi phí này cùng với tiền lời  
tính theo lãi suất phạt như được qui định ở khoản (b) Điều 3 Phần này sẽ được Bên Thuê trả cho Bên Cho Thuê.

Điều 13. Thuế, Tiền Bồi Hoàn

(a)

(b

<

(c)

Bên Thuê đồng ý tuân theo tat cả luật, qui định và lệnh liên quan đến Hợp Đồng và trả khi đến hạn, tất cả phí xin giấy  
phép, thuế về bán, sử dụng tài sản, thuế môn bài, thuế hãi quan, thuế giá trị gia tăng và các thứ thuế khác do các cơ quan  
chính phủ thu bây giờ và sau này trên Thiết BỊ, trên quyền sở hữu, sử dụng hay hoạt động Thiết Bị và các giao dịch mua  
bán và chuẩn bị tài liệu dự tính trong Hợp Đồng và chịu mọi rủi ro trách nhiệm, bao gồm trách nhiệm xảy đến cho bên  
thứ ba phát sinh do việc giữ, nhập khẩu, hoạt động, sử dụng hay làm chủ Thiết Bị.

Bên Thuê đồng ý bồi hoàn, giữ an toàn và vô hại và cam kết sẽ bảo vệ cho Bên Cho Thuê đối với những đòi hỏi bằng  
tiền, chỉ phí, thiệt hại và trách nhiệm nào phát sinh và liên quan đến chủ quyền, sử dụng, chiếm giữ, nhập khẩu, vận  
hành hay chuyên chở Thiết Bị (kể cả do việc Bên Thuê không bảo quản, sửa chữa hay bảo hiểm Thiết Bị).

Moi chi phí, thuế hay lệ phí hợp pháp mà Bên Cho Thuê phải trả do việc Bên Thuê không trả những khoản tiền nói trên  
sẽ lập tức phải được Bên Thuê trả cho Bên Cho Thuê, nếu như Bên Cho Thuê đòi, cộng thêm với lãi phạt theo lãi suất  
phạt ghi tại khoản (b) Điều 3 Phần này. Các sự bồi hoàn nói ở Điều này sẽ vẫn còn tồn tại sau khi Hợp Đồng kết thúc.

Điều 14. Sự Kiện Vi Phạm

Một sự kiện vi phạm sẽ xảy ra nếu:

(a)

Bên Thuê không trả trong vòng 15 ngày kê từ ngày nhận được yêu cầu bằng văn bản của Bên Cho Thuê, bất cứ khoản  
Tiền Thuê hay khoản tiền đến han nào khác theo Hợp Đồng hoặc bat cứ hợp đồng thuê nào khác giữa Bên Thuê và Bên  
Cho Thuê.

(b) Mọi sự giải trình hay bảo đảm của Bên Thuê đưa ra theo Hợp Đồng hay hợp đồng thuê nào khác của Bên Thuê cho

thấy không đúng sự thực.

2022-00292-000

© be

(c

~a

Bên Thuê không thực thi hay vi phạm điều khoản nào của Hợp Đồng hay hợp đồng thuê nào khác giữa Bên Thuê va  
Bên Cho Thuê.

(d

\_

Bat cứ sự phê chuẩn nào của chính phủ đối với Hợp Đồng hết hiệu lực (và không được gia hạn ngay) hoặc bị thu hồi  
hay sửa đôi mà Bên Cho Thuê thây không châp nhận được.

(e) Việc Bên Thuê và Bên Cho Thuê thực thi các nghĩa vụ ở đây trở nên bất hợp pháp.

(f) Bên Thuê, Bên Bảo lãnh, hay một bên thứ ba nào trình một thỉnh nguyện hay thủ tục tương tự nao liên quan đến sự  
thanh lý, phá sản, tái tổ chức, thành lập mới hay giải thé của Bên Thuê (và trong trường hợp Bên Bảo lãnh mất khả  
năng chỉ trả, không tìm được người thay thế cho Bên Bảo lãnh theo yêu cầu bằng văn bản của Bên Cho Thuê trong vòng  
30 ngày).

(g) Một ngân hàng đã đảm nhiệm việc quản lý của một phần hay toàn bộ việc kinh doanh của Bên Thuê.

(h) Các tô chức tài chính có liên hệ đã ngưng việc cho Bên Thuê các đặc quyền giao dịch ngân hàng.

(i) Có phần quan trọng hay đáng kể nao trong tai san của Bên Thuê đã bị tịch thu hay trưng thu bởi một quyết định của cơ  
quan chính phủ nào.

(j) Các thủ tục thi hành án có tính cách bắt buộc, hành vi tư pháp, bảo tồn hay thi hành án về thuế hay các nghĩa vụ khác

đã được tiền hành chống lại Bên Thuê.

(k)\_ Có sự thay đôi đáng kể nào trong chủ quyền hay kiểm soát của Bên Thuê xảy ra tạo nên lý do chính đáng dé tin rằng  
Bên Thuê không thê thực hiện các nghĩa vụ nói ở đây. Có sự thỏa thuận nào cho việc bán, chuyên nhượng hay giải thê  
một phân lớn tài sản hay việc kinh doanh của Bên Thuê.

(1) Bên Thuê hợp nhất hay chỉnh đốn với một thực thé nào khác mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên Cho  
Thuê.

(m) Bên Thuê không trả nợ khi đến hạn hay không thực thi các nghĩa vụ phải thực thi, mà đã khiến cho bất cứ nghĩa vụ trả  
tiên nào trở nên đáo hạn sớm hơn truớc.

(n) Bên Thuê từ chối nhận Thiết Bị hay từ chối cấp hay chậm trễ trong việc cấp Văn Bản Chap Thuận.

(0) Có hoàn cảnh nào xảy ra tạo nên lý do chính đáng dé tin rằng Bên Thuê không còn khả năng thực thi các nghĩa vụ nói  
ở đây.

Điều 15. Các biện pháp khắc phục

Khi có sự kiện vi phạm xảy ra và bất cứ lúc nào sau đó, Bên Cho Thuê có thể, tùy theo quyết định riêng của mình, thực hiện  
bât kì một hoặc các biện pháp nào sau đây:

(a) Đòi hỏi việc trả mọi chi phí do Bên Cho Thuê chi trong việc thương thuyết, soạn thảo các văn bản liên quan và các chi  
phí liên hệ trong việc soạn thảo và thực hiện cho các sự giao dịch cần thiết và việc mua, nhập khẩu, chuyên chở và giao  
Thiết Bi;

(b) Thông báo cho Bên Thuê và kết thúc Hợp Đồng và những Biểu đã ký theo đây;

(c) Yêu cầu Bên Thuê trả mọi khoản tiền mà Bên Thuê phải trả cho Bên Cho Thuê theo Hợp Đồng, bao gồm nhưng không  
giới hạn trong toàn bộ gốc và lãi thuê đến han và chưa đên hạn, tiền thuê quá hạn, lãi phạt nộp cham, lãi phát sinh và chi  
phí khác;

(d) Yêu cầu Bên Thuê trao trả tất cả Thiết Bị cho Bên Cho Thuê đúng theo Điều 18 Phần này;

(e) Đến nơi lắp đặt Thiết Bị và lập tức lấy lại quyền chiếm hữu và chuyển Thiết Bị đi mà Bên Cho Thuê hoặc các đại lý của  
họ không chịu trách nhiệm gì về việc đến nơi lắp đặt, hoặc về các hư hại cho tài sản hoặc thứ gì khác;

(f) Bán một phan hay toàn bộ Thiết Bị theo kiểu bán công khai hay bán riêng, có hay không thông báo cho Bên Thuê hay  
quảng cáo bán hay xử lý, giữ, sử dụng, hoạt động, cho người khác thuê hay dé không Thiết Bị, tất cả đều không xâm  
phạm gì đến quyền lợi của Bên Thuê và không có bồn phận giải thích cho Bên Thuê về các hành động như thế hay về  
tiền thu được từ các hoạt động đó;

2022-00292-000

to6- eal een?’ oe 12 oa

(g) Nếu Bên Thuê không trả được toàn bộ gốc và lãi thuê đến hạn và chưa đến hạn hay Tiền Thuê, v.v như được ghi ở khoản  
(c) Điêu này, Bên Cho Thuê có thê yêu câu Bên Thuê bôi thường thiệt hại tính được thành tiền theo quy định pháp luật  
hiện hành và Bên Thuê phải lập tức trả khi Bên Cho Thuê yêu cầu;

(h) Thực hiện bat cứ quyền hay biện pháp khắc phục nào được phép theo luật pháp hiện hành hay khởi tố một cách đúng  
đắn nhằm bảo đảm các điều khoản của Hợp Đồng được thực hiện, hoặc dé bi dap cac thiét hai do vi pham Hop Đồng  
hay hủy bỏ Hợp Đồng liên quan đến một phần hay toàn bộ Thiết Bị.

Ngoài ra, Bén Thué sé phai tra moi chi phi do phap luat quy dinh cling mọi phí ton do vi phạm hay dé 'thực hiện các biện  
pháp khắc phục, gồm sửa chữa Thiết Bị lại như điều kiện được yêu cầu ở Điều 18 Phần này. Bên Thuê đồng ý rằng Thiết Bị  
sẽ bảo đảm, ngoài các món nợ được nêu ở đây, cho các món nợ khác mà Bên Thuê nợ Bên Cho Thuê. Không có biện pháp  
khắc phục nào được nêu trong Điều này có tính cách độc nhất mà mọi biện pháp đều được làm cùng với các biện pháp khắc  
phục khác được nói ở trên hay Bên Cho Thuê được phép dùng theo luật. Bên Cho Thuê không bị bắt buộc phải dùng tất cả  
các quyên hạn dưới đây và có thể lựa chọn từ bỏ bất cứ quyền hạn nào. Không một sự xác nhận hay ngụ ý khước từ một  
quyền nào của Bên Cho Thuê đối với sự vi phạm nào của Bên Thuê sẽ tạo nên một sự bỏ qua đối với vi phạm nào khác của  
Bên Thuê hay tước bỏ một quyền của Bên Cho Thuê ở mức độ luật pháp hiện hành cho phép. Bên Thuê ở đây từ bỏ bất cứ  
quyền nào bây giờ hay sau này mà luật pháp cho phép để yêu cầu Bên Cho Thuê bán, thuê hay sử dụng Thiết Bị để giảm  
thiểu thiệt hại cho Bên Cho Thuê như được ghi ở Điều 15 Phan này hay giới hạn hay bé sung các quyền của Bên Cho Thuê  
hay các biện pháp khắc phục theo như Điều 15 Phần này.

Điều 16. Cham Dut Hợp Đồng Bởi Bên Thuê  
Bên Thuê có thể bằng văn bản thông báo cho Bên Cho Thuê kết thúc Hợp Đồng trước khi hết Thời Hạn Thuê nếu:

(a) Thiết Bị không đuợc giao đúng hạn do có sự vi phạm hợp đồng mua bởi Bên Cho Thuê và Bên Cho Thuê không khắc  
phục được sự vi phạm hay giao Thiết Bị thay thé trong vòng 30 ngày ké từ ngày dự kiến giao hàng; hoặc

(b) Bên Cho Thuê vi phạm đến các điều khoản của Hợp Đồng và không có biện pháp khắc phục trong vòng 30 ngày sau khi  
thông báo bằng văn bản đã được trao cho Bên Cho Thuê.

Điều 17. Gia hạn

Bên Thuê và Bên Cho Thuê đồng ý rằng khi Thời Hạn Thuê hết hạn, Hợp Đồng sẽ tự động tiếp tục (trừ khi Bên Cho Thuê  
thông báo khác với Bên Thuê) với cùng điều khoản và điều kiện như ở đây, ngoại trừ những điều khoản và điều kiện được  
thay đồi theo Biéu.

Điều 18. Trao Trả Thiết Bị

(a) Ngay khi kết thúc Thời Hạn Thuê và bat kỳ gia hạn nào sau đó của Hợp Đồng như được qui i định ở ở Điều 17 Phần này và  
Biểu hay ngay khi có yêu cầu của Bên Cho Thuê trả lại Thiết Bị theo các điều khoản của Hợp Đồng, Bên Thuê phải lập  
tức giao Thiết Bị lại cho Bên Cho Thuê bằng chỉ phí của Bên Thuê tại nơi do Bên Cho Thuê chỉ định.

(b) Trong trường hợp Bên Thuê chậm trễ thủ tục hoàn trả theo đoạn trên đây, Bên Thuê sẽ phải tiếp tục trả Tiền Thuê cho  
Bên Cho Thuê cho đến khi có sự xác nhận của Bên Cho Thuê về sự hoàn trả Thiết Bị và trả các khoản tiền theo Hợp  
Đồng và Hợp Đồng vẫn được coi như còn hiệu lực cho đến lúc đó.

(c) Sau 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo về việc trả lại Thiết Bị cho Bên Cho Thuê, nếu Bên Thuê không tự nguyện  
trao trả thì Bên Cho Thuê sẽ tự mình hay ủy quyền cho một bên thứ ba tiếp cận thu hồi Thiết Bị. Việc thu hồi Thiết Bị  
và xử lý Thiết Bị sau khi thu hồi sẽ được thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch của Ngân Hàng Nhà Nước, Bộ  
Công An, Bộ Tư Pháp, số 08/2007/TTLT-NHNN-BCA-BTP ngày 10/ 12/2007 và các sửa đôi, bố sung sau đó néu có.  
Mọi chỉ phí phát sinh từ việc thu hồi và xử lý thiết bị sau khi thu hồi bao gồm nhưng không giới hạn phí vận chuyên, phí  
lưu kho, phí định giá, phí phát mãi,v.v...do Bên Thuê chịu.

(d) Trong trường hợp Thiết Bị ghi trong Danh Sách Thiết Bị vào lúc hoàn trả, không còn ở trong tình trạng nguyên thủy do  
sự hư hỏng, v.v. thì Bên Thuê sẽ phải sửa chữa và khôi phục tình trạng nguyên thủy với chỉ phí do Bên Thuê chịu, tuy  
nhiên, tình trạng này không áp dụng cho các sự hao mòn bình thường qua Thời Hạn Thuê mà Bên Cho Thuê công nhận.

Điều 19. Chuyển Nhượng Quyền Lợi

Bên Cho Thuê có thể chuyển nhượng, thế chấp, cầm cố hay bảo đảm khác trong tất cả hay một phần quyền lợi của mình đối  
với các khoản Tiền Thuê hay các khoản phải trả khác được trả theo qui định của Hợp Đồng cho bên thứ ba và có thê cung

2022-00292-000 14

Áp Oe

ANZA.

cấp bảo đảm trên quyền lợi của Thiết Bị cho một bên thứ ba mà không cần có sự chấp thuận của Bên Thuê miễn là nếu Bên  
Cho Thuê yêu câu, Bên Thuê sẽ lập tức đưa cho Bên Cho Thuê thư ưng thuận về vấn đề được Bên Cho Thuê yêu cầu. Bên  
Thuê đồng ý sẽ không nhượng lại quyên lợi hay nghĩa vụ tại đây của mình.

Điều 20. Điều Luật Không Hủy Ngang

Các nghĩa vụ tại đây của Bên Thuê là vô điều kiện. Cho dù Thời Hạn Thuê đã bắt đầu hay chưa, Hợp Đồng không thể bị hủy

bỏ hay châm dứt trừ trường hợp như được nêu ở đây. Bên Thuê ở đây đồng ý rằng nghĩa vụ của Bên Thuê phải trả tiền thuê

và các khoản tiền khác được qui định trong Hợp Đồng sẽ là tuyệt đối và vô điều kiện.

Điều 21. Sửa Đỗi

(a) Khi đã định Giá Mua vào Ngày tính Giá mua sau khi giao Thiết Bị, Bên Cho Thuê có thé sửa đổi, không cần có sự đồng  
ý của Bên Thuê, Hợp Đồng bằng cách gửi văn bản thông báo (“Thông báo Giá mua”) đến Bên Thuê về việc xác định  
cuối cùng về Giá Mua, Tiền Thuê và Biểu thanh toán Tiền Thuê, Tiền Ký Quỹ, Giá Trị Mua Lại và các khoản tiền hay  
lệ phí tương ứng khác.

(b) Ngoại trừ các điều được cho phép có ghỉ trong khoản (a) Điều này, Hợp Đồng cùng các tài liệu dưới đây sẽ không được  
sửa đổi hay điều chỉnh trừ phi có sự đồng ý của đại diện được ủy quyền của cả Bên Cho Thuê lẫn Bên Thuê.

Điều 22. Luật và Tham Quyền Tài Phan Áp Dụng

(a) Hợp Đồng sẽ được chỉ phối bởi, và được giải thích phù hợp với luật pháp Việt Nam. Dù vậy, nếu không có luật cụ thể  
nào tại Việt Nam hay, nếu có bat kỳ sự mơ hồ nao trong luật Việt Nam tác động đến bat ky van đề nào phát sinh từ Hợp  
Đông thì luật của Anh Quôc sẽ được áp dụng.

(b) Bat kỳ thủ tục tố tụng nào liên quan đến bat kỳ tranh cãi nào theo Hợp Đồng sẽ được đưa ra Tòa Án Kinh Tế của Việt  
Nam hay, nếu vì bất kỳ sự ngăn câm nào của luật pháp Việt Nam, thì sẽ được đưa ra một tòa án khác do Bên Cho Thuê  
chọn.

Điều 23. Bảo Lãnh

Mỗi Bên Bảo lãnh tại đây bảo lãnh một cách chung và riêng lẻ với mỗi một Bên Bảo lãnh khác việc thực hiện trung thành

mọi nghĩa vụ của Bên Thuê theo Hợp Đồng trừ khi được đồng ý khác trong một hợp đồng riêng biệt với Bên Cho Thuê.

Điều 24. Bảo Dam

Bên Thuê phải cung cấp cho Bên Cho Thuê các bảo đảm theo hình thức và nội dung thỏa mãn Bên Cho Thuê theo như yêu  
cầu của các điều khoản của Biểu Thuê. Nếu vào lúc nào đó Bên Cho Thuê xét thấy vì lợi ích của riêng mình là cần có việc  
bảo đảm bé sung ( dé bảo đảm việc thực hiện các nghĩa vụ của Bên Thuê theo Hợp Đồng, Bên Cho Thuê có thê sẽ yêu cầu  
Bên Thuê cung cấp bảo đảm đó. Trong trường hợp đó, Bên Thuê, bang chi phí của mình, phải ngay lập tức cung cấp cho  
Bên Cho Thuê việc bảo đảm như vậy theo hình thức và nội dung thỏa mãn được Bên Cho Thuê.

Điều 25. Báo Cáo Về Tình Hình Kinh Doanh

(a) Trong suốt thời hạn của Hợp Đồng, hằng năm, Bên Thuê phải cung cấp cho Bên Cho Thuê các bản quyết toán đã được  
kiểm toán ngay khi có được (nhưng không quá 180 ngày sau cuối mỗi năm tài chính ké cả ban quyết toán) cùng với các  
thông tin khác về tình hình tài chính và hoạt động của Bên Thuê mà Bên Cho Thuê yêu cầu. Bên Cho Thuê có, thể yêu  
cầu Bên Thuê lập các báo cáo tài chính hằng quý và gửi đến cho Bên Cho Thuê trong vòng 30 ngày sau cuối mỗi quý.

(b) Vào bất kỳ lúc nào theo yêu cầu của Bên Cho Thuê, Bên Thuê phải báo cáo về tình hình của Thiết Bị và tình hình kinh  
doanh của họ và gửi mọi giấy tờ liên quan đến Bên Cho Thuê.

(c) Bên Thuê cam kết rằng mọi thông tin cung cấp cho Bên Cho Thuê theo Hợp Đồng là đầy đủ, chính xác và cập nhật.

Điều 26. Kế Toán Giao Dịch Thuê

Trong suốt thời hạn của Hợp Đồng, Bên Thuê phải duy trì số sách kế toán sao cho việc xử lý giao dịch này, thuế và các mục  
đích khác của giao dịch này sẽ không trái nghịch với việc xử lý giao dịch này trên số sách của Bên Cho Thuê.

2022-00292-000 24/2 So

SN ign ee, ee c....

Điều 27. Toàn Bộ Hợp Đồng

Hợp Đồng và các văn bản liên quan cầu thành toàn bộ Hợp Đồng của các bên trong đây có liên quan đến các vấn đề của Hợp  
Đồng Và sẽ thay thế mọi dự tính hay ghi nhớ trước đây có liên quan đến giao dịch này. Hợp Đồng sẽ không bị phủ nhận bởi  
bat kỳ Hợp Đồng miệng hay văn bản nào trước đây.

Điều 28. Miễn Trừ

Việc Bên Cho Thuê không thực hiện hay chậm trễ trong việc yêu cầu Bên Thuê thực hiện bất kỳ điều khoản nào của Hợp  
Đồng sẽ không được xem là một miễn trừ của quyên yêu cau thực thi điêu khoản đó.

Điều 29. Số của Hợp Đồng Thuê

Số của Hợp Đồng Thuê do Bên Cho Thuê đánh số và được dùng làm số tham chiếu cho Bên Cho Thuê và Bên Thuê trong  
việc thực hiện Hợp Đồng. Số của Hợp Đồng bao gồm 12 chữ sô. Trong suốt thời hạn hiệu lực của | Hop Đồng, 9 chữ số dau  
sẽ được giữ nguyên nhưng 3 chữ số cuối sẽ thay đổi mỗi lần Hợp Đồng được bắt đầu hoặc Hợp Đồng được chuyên nhượng  
cho một bên thuê mới.

Điều 30. Đăng Ký

Bên Cho Thuê sẽ đăng ký Hợp Đồngvới Ngân Hàng Nhà Nước, cơ quan giám sát hợp đồng nơi Bên Cho Thuê đặt trụ sở và  
với bat kỳ cơ quan chính phủ nào mà luật pháp đòi hỏi. Bên Cho Thuê sẽ đăng ký Thiết Bị cho thuê theo Hợp Dong với Cục  
Đăng ký Quốc gia Giao dịch Bảo đảm và với các cơ quan có thâm quyền theo qui định của pháp luật. Bên Thuê phải tra mọi  
phí tốn, chi phí dé đăng ky và xóa đăng ký Hợp Đồng và Thiết Bị phù hợp với luật pháp.

Điều 31. Diễn Giải

Trong Hợp Đồng, trừ khi ngữ cảnh yêu cầu khác:

(a) Các tựa đề và gạch dưới chỉ dé cho thuận tiện và không ảnh hưởng gi đến việc diễn giải Hợp Đồng;  
(b) Các từ mang số Ít cũng bao gồm số nhiều và ngược lại;

(c) Một tham chiếu đến một Điều hay Biểu là tham chiếu đến Điều hay Biểu của Hợp Đồng;

(d) Một tham chiếu đến một văn bản bao gồm một bản sửa đổi hay bản bé sung, bản thay thế hay bản mới của văn bản đó  
nhưng không tính đến bat kỳ sửa đôi, bô sung, thay thé hay ban mới nào làm ra nhưng vi phạm Hợp Đông; và

(e) Một tham chiếu đến một bên trong bat kỳ văn bản nào cũng bao gồm những người thừa kế và những người thụ hưởng  
hợp pháp của bên đó.  
Điều 32. Thông Báo

Bat kỳ báo cáo, thông báo, yêu cau hay liên lạc nào khác theo Hợp Đồng cũng phải được lập bằng văn bản. Thông báo, yêu  
cầu hay liên lạc khác có thé được chuyền đến tận tay hay bằng fax, đến địa chỉ của bên được ghi cụ thể ở trang 1 của Hợp  
Đồng hay đến địa chỉ khác mà bên đó thông báo cho bên kia tùy theo thời điểm và sẽ có hiệu lực khi nhận được.

Điều 33. Thỏa thuận đặc biệt

Các vân đề không được quy định trong Hợp. Đồng này hay các vấn đề khác có khác biệt với bất kỳ điều khoản nào của Hợp  
Đồng này sẽ được quy định bởi một hợp đồng riêng đặc biệt và nếu các vấn đề đó không được quy định trong hợp đồng  
riêng đặc biệt đó thì sẽ có hiệu lực bởi các văn bản riêng rẽ giữa Bên Cho Thuê và Bên Thuê.

2022-00292-000 16

\_- tý ae

ly

PHAN C. DIEU KHOAN DAC BIET  
Điều 1. Thứ ty ưu tiên của các điều khoản

Trong trường hợp có sự bat đồng giữa các điều khoản của Phan A. Điều kiện thuê, Phan B. Các Điều khoản và Điều  
kiện chung, Phân C. Điêu Khoản Đặc Biệt, thì thứ tự ưu tiên áp dụng sẽ là Phần C. Điều Khoản Đặc Biệt, Phần A.  
Điều kiện thuê, Phần B. Các Điều khoản và Điều kiện chung.

Điều 2 . Mục đích sử dụng Thiết Bị của Bên Thuê  
Phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Bên Thuê.  
Điều 3 . Lãi suất tạm thời

Hợp Đồng này sẽ được bắt đầu trong vòng 60 ngày kể từ ngày tổng số tiền Bên Cho Thuê thanh toán cho Hợp Đồng  
nay vượt quá Tiền thuê ky 1 mà Bên Thuê đã thanh toán khi ký Hợp Đồng, bat kể các qui định tai Điều 2 và Điều  
7 trong Phần B — Các Điều khoản và Điều kiện chung. Sau đó Bên Thuê sẽ bắt đầu thanh toán Tiền Thuê cho Bên  
Cho Thuê vào các ngày được ghi trong Biểu Tiền thuê của Hợp Đồng. Trường hợp Hợp Đồng được bắt đầu sau 60  
ngày kê từ ngày tổng số tiền Bên Cho Thuê thanh toán cho Hợp. Đồng vượt quá Tiền thuê kỳ 1 thì Lãi suất chỉ định  
của Lãi suất tạm thời được quy định tại Điều 6 của Phần A - Điều kiện thuê được á áp dụng là 5.93738%/năm.

Điều 4. Quyền sở hữu Thiết Bị

Mặc dù Bên Thuê đã thanh toán Tiền thuê cho Bên Cho Thuê theo Hợp Đồng này, nhưng Bên Thuê vẫn sẽ không  
có bat kỳ quyền, chủ quyền, hay quyền lợi nào đối với Thiết Bị, ngoài quyên giữ và sử dụng Thiết Bị trong suốt  
Thời hạn thuê, miễn là Bên Thuê tuân theo và thực hiện các điều khoản và điều kiện của Hợp Đồng.

Điều 5 . Tiền phạt hủy Hợp Đồng

Nếu Hợp Đồng bj hủy trước khi Thiết Bị được giao đến cho Bên Thuê do lỗi của Bên Thuê hoặc do Bên Thuê yêu  
cầu hủy Hợp Đồng, ngoài những chi phí mà Bên Thuê phải hoàn trả lại cho Bên Cho Thuê quy định tại Khoản (h)  
của Điều 6 Phan B, Bên Thuê phải trả cho Bên Cho Thuê tiền phạt hủy Hợp Đồng là 0.2 % của Giá Mua (dự kiến)  
nhưng không vượt quá 50,000,000 VNĐ.

Điều 6 . Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Phương pháp phát hành hóa đơn thuế GTGT của Thiết Bị: Các Bên đồng ý rằng Bên Cho Thuê sẽ phát hành dần  
hóa đơn thuế GTGT của Thiết Bị cho Bên Thuê tại từng kỳ thanh toán tiền thuê trong suốt Thời hạn thuê. Bên Thuê  
sẽ không yêu cầu Bên Cho thuê phát hành hóa đơn thuế GTGT cho toàn bộ số thuế GTGT hay số thuế GTGT còn  
lại trong bất kỳ trường hợp nào.

Điều 7. Chấm dứt Hợp Đồng trước han

Hợp Đồng có thể được cham dứt trước ngày hết hạn của Thời hạn thuê trên cơ sở đề nghị bằng văn bản của Bên  
Thuê và chấp thuận của Bên Cho Thuê. Tiền phạt chấm dứt Hợp Đồng trước hạn được áp dụng như sau:

- Nếu Hợp Đồng được chấm dứt trước hạn trong khoảng thời gian từ kỳ tiền thuê thứ nhất đến kỳ tiền thuê thứ 31:  
tiền phạt là 5% tính trên dư nợ còn lại tại thời điểm chấm dứt Hợp Đồng trước hạn.

- Néu Hợp Đồng được cham dứt trước hạn trong khoảng thời gian từ kỳ tiền thuê thứ 32 đến kỳ tiền thuê cuối cùng:  
tiền phạt là 3% tính trên dư nợ còn lại tại thời điểm chấm dứt Hợp Đồng trước hạn.

Trong trường hợp này, số tiền chấm dứt Hợp Đồng trước hạn sẽ bao gồm dư nợ còn lại, tiền phạt chấm dứt Hợp  
Đồng trước hạn, Giá trị mua lại, và toàn bộ các khoản tiền đến hạn mà Bên Thuê phải trả (nếu có).

Điều 8 . Bảo hiểm  
Loại trừ trách nhiệm mua bảo hiểm tại Điều 13 phần A, Bên Thuê chịu trách nhiệm mua bảo hiểm mọi rủi ro tài sản  
cho Thiết Bị hằng năm trong suốt thời hạn thuê tại Tổng Công ty Cổ phần Bảo Hiểm Hàng Không (VNI) và tự

thanh toán phí bảo hiểm với kỳ hạn 01 lần/năm. Giá trị bảo hiểm không được nhỏ hơn dư nợ thuê tài chính tại thời  
điểm mua bảo hiểm.

2022-00292-000 | Z

N77,

Ch. &\* 2

N49

Nd

Điều 9 . Xứ ly Hợp Đồng nếu có tranh chấp với Nhà Cung Cấp

Bên Thuê cam kết chịu mọi rủi ro phát sinh từ các điều khoản và điều kiện của hợp đồng mua bán Thiết Bị. Trường  
hợp Nhà Cung Cấp không thé giao Thiết Bị cho Bên Thuê, Bên Cho Thuê có quyền cham dứt Hợp Đồng này. Bên  
Thuê có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản tiền theo thông báo cham dứt Hợp Đồng cho Bên Cho Thuê.

Điều 10. Tiền Ký quỹ

Tiền ký quỹ sẽ được hoàn lại cho Bên Thuê sau khi Bên Thuê hoàn tất xong thủ tục chuyển quyền sở hữu Thiết Bị.

2022-00292-000 2y “